

-----  
Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/11/2018

*“Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lý Công Minh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Huy Tùng**

2. Ông **Hà Hùng Kiệt**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:* Ông **Lý Út Hoài** – Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Trúc M**, sinh năm 1988; địa chỉ: KV. L, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (có mặt).

\* *Bị đơn:* Ông **Lý Danh T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NHẬN THẤY:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày: Bà và ông Lý Danh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn và đến tháng 4/2018 thì bà và ông T ly thân cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông T có một con chung tên Nguyễn Cường Q, sinh ngày 17/12/2016. Hiện nay Cường Q do bà nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lý Danh T; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Cường Q, sinh ngày 17/12/2016 cho đến đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu ông Lý Danh T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Lý Danh T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà M và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

\* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/8/2018, bà Nguyễn Thị Trúc M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý Danh T có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Lý Danh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lý Danh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 4 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà M làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà M, ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà M, ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà M xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lý Danh T có một đứa con chung tên Nguyễn Cường Q, sinh ngày 17/12/2016, hiện nay sống chung với bà M. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét yêu cầu của bà M là phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà M phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Cường Q, sinh ngày 17/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Trúc M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà M xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Cường Q nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông T cấp dưỡng cho cháu Cường Q.

[8] Tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Trúc M chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lý Danh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc M được ly hôn với ông Lý Danh T.
2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Trúc M trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Trúc M và ông Lý Danh T là Nguyễn Cường Q, sinh ngày 17/12/2016 đến khi thành niên (hiện nay cháu Cường Q sống chung với bà M).
  - Ông Lý Danh T không phải cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Cường Q.
  - Ông Lý Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Cường Q mà không ai được cản trở. Ông Lý Danh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Cường Q của bà Nguyễn Thị Trúc M.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trúc M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Trúc M chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002792, ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lý Danh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Lý Danh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề,
- UBND phường T, quận Thốt Nốt, TPCT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lý Công Minh**